

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Doãn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Thành

2. Bà Đặng Thị Nguyên Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Văn B, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/10/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày :

1. Về hôn nhân:

Tôi và ông Lê Văn B sống chung với nhau vào năm 1988, có tổ chức đám cưới, chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến

năm 2016 thì luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do chồng tôi thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, tôi đã nhiều lần khuyên nhưng chồng tôi không nghe, từ đó tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi việc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trong thời gian sống ly thân chúng tôi thường xuyên gặp nhau nhưng không tự hàn gắn lại với nhau được. Hôm nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn.

- Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau vào năm 1988, chúng tôi không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2016 luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi công việc mà không tự giải quyết với nhau được. Trong thời gian sống ly thân chúng tôi vẫn thường xuyên gặp nhau nhưng không tự hàn gắn lại với nhau được. Hôm nay vợ tôi yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, vì chúng tôi đã lớn tuổi cần có sự chăm sóc cho nhau nên tôi yêu cầu hàn gắn lại.

2. Về con chung:

Bà N và ông B khai: Trong thời gian sống chung chúng tôi có với nhau hai đứa con tên Lê Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1993 và Lê Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông B trình bày: Chúng tôi không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà N và ông B trình bày: Chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ lại chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn B là hoàn toàn tự nguyện, trước khi sống chung mặc dù ông bà không có thời gian tìm hiểu nhau, do Cha Mẹ hai bên quyết định và ông bà đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo luật định, do ông bà không tuân thủ theo pháp luật quy định nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:*

Hiện các con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013099, quyển số 0262 ngày 02/11/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn được biết, có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án hôm nay. Báo cho bị đơn vắng mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Chi cục THA dân sự huyện,
- Đường sự,
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

Các Hội Thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn

Nơi nhận

THẨM

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Chi cục THA dân sự huyện.
- Đường sự.
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn